



SWYC:

15 tháng (V1.07, 4/1/17)

15 tháng, 0 ngày đến 17 tháng, 31 ngày
15 months, 0 days to 17 months, 31 days

Tên Trẻ:
(Child's name)

Ngày Sinh:
(Date of birth)

Ngày Hôm Nay
(Today's Date):

MỐC PHÁT TRIỂN (Developmental Milestones)

Những câu hỏi này liên quan đến sự phát triển của con quý vị. Vui lòng cho chúng tôi biết con quý vị làm những việc sau nhiều như thế nào. Nếu con quý vị không làm bất cứ điều gì nữa, chọn câu trả lời mô tả bé đã từng làm việc đó nhiều như thế nào. Vui lòng bảo đảm trả lời TẤT CẢ các câu hỏi.

	Chưa (Not yet)	Đôi khi (Sometimes)	Rất Nhiều (Very much)
Gọi quý vị là "mama" hay "dada" hoặc tên tương tự <i>Calls you "mama" or "dada" or similar name</i>	0	1	2
Nhìn xung quanh khi quý vị nói những điều như "bình sữa của con ở đâu?" hay "mền của con ở đâu?" <i>Looks around when you say things like "Where's your bottle?" or "Where's your blanket?"</i>	0	1	2
Bắt chước các âm thanh mà quý vị đã phát ra <i>Copies sounds that you make</i>	0	1	2
Đi từ bên này qua bên kia phòng mà không có sự giúp đỡ <i>Walks across a room without help</i>	0	1	2
Làm theo các sự chỉ dẫn - như là "Hãy đến đây" hay "Đưa cho ba/mẹ trái banh đó đi" <i>Follows directions – like "Come here" or "Give me the ball"</i>	0	1	2
Chạy <i>Runs</i>	0	1	2
Đi lên cầu thang với sự giúp đỡ <i>Walks up stairs with help</i>	0	1	2
Đá một trái banh <i>Kicks a ball</i>	0	1	2
Gọi tên ít nhất 5 đồ vật quen thuộc - như banh hoặc sữa <i>Names at least 5 familiar objects – like ball or milk</i>	0	1	2
Gọi tên ít nhất 5 bộ phận cơ thể - như mũi, tay hoặc bụng <i>Names at least 5 body parts – like nose, hand, or tummy</i>	0	1	2

Danh Sách Kiểm Tra Triệu Chứng Nhi Khoa Của Bé (BPSC)

Những câu hỏi này liên quan đến hành vi của con quý vị. Hãy suy nghĩ việc quý vị mong đợi gì ở những đứa trẻ khác cùng độ tuổi, và cho chúng tôi biết mỗi câu trả lời áp dụng bao nhiêu cho con của quý vị.

	Hoàn toàn không (Not at all)	Phần Nào (Somewhat)	Rất Nhiều (Very much)
Con của quý vị có khó khăn khi ở bên người mới không? <i>Does your child have a hard time being with new people?</i>	0	1	2
Con của quý vị có khó khăn khi đến những chỗ mới không? <i>Does your child have a hard time in new places?</i>	0	1	2
Con của quý vị có khó khăn với sự thay đổi không? <i>Does your child have a hard time with change?</i>	0	1	2

	Hoàn toàn không (Not at all)	Phần Nào (Somewhat)	Rất Nhiều (Very much)
Con của quý vị có khó chịu khi người khác bế không? <i>Does your child mind being held by other people?</i>	0	1	2
Con của quý vị có khóc nhiều không? <i>Does your child cry a lot?</i>	0	1	2
Con của quý vị có khó khăn để bình tĩnh lại không? <i>Does your child have a hard time calming down?</i>	0	1	2
Con của quý vị khó tính hay cáu kỉnh không? <i>Is your child fussy or irritable?</i>	0	1	2
Có khó để dỗ dành con của quý vị không? <i>Is it hard to comfort your child?</i>	0	1	2
Có khó để giữ con của quý vị theo một lịch trình hoặc thói quen thường ngày không? <i>Is it hard to keep your child on a schedule or routine?</i>	0	1	2
Có khó để dỗ con của quý vị ngủ không? <i>Is it hard to put your child to sleep?</i>	0	1	2
Quý vị có ngủ không đủ vì con của mình không? <i>Is it hard to get enough sleep because of your child?</i>	0	1	2
Con của quý vị có khó ngủ yên giấc không? <i>Does your child have trouble staying asleep?</i>	0	1	2
QUAN NGẠI CỦA PHỤ HUYNH (Parent's Concerns)			
	Hoàn toàn không (Not at all)	Phần Nào (Somewhat)	Rất nhiều (Very much)
Quý vị có mối quan ngại nào về việc học hoặc phát triển của con quý vị không? <i>Do you have any concerns about your child's learning or development?</i>	☐	☐	☐
Quý vị có mối quan ngại nào về hành vi của con quý vị không? <i>Do you have any concerns about your child's behavior?</i>	☐	☐	☐
CÂU HỎI GIA ĐÌNH (Family Questions)			
Vi các thành viên gia đình có thể có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của con quý vị, vui lòng trả lời một số câu hỏi về gia đình của quý vị bên dưới:			
	Có (Yes)	Không (No)	
1 Có ai sống với con quý vị hút thuốc lá không? <i>Does anyone who lives with your child smoke tobacco?</i>	☐	☐	
2 Trong năm qua, quý vị đã bao giờ uống rượu hoặc sử dụng thuốc gây nghiện quá giới hạn không? <i>In the last year, have you ever drunk alcohol or used drugs more than you meant to?</i>	☐	☐	
3 Trong năm qua quý vị có cảm thấy mình muốn hoặc cần phải giảm bớt uống rượu hoặc sử dụng thuốc gây nghiện không? <i>Have you felt you wanted or needed to cut down on your drinking or drug use in the last year?</i>	☐	☐	
4 Một thành viên trong gia đình uống rượu hoặc sử dụng thuốc gây nghiện có bao giờ ảnh hưởng xấu đến con quý vị không? <i>Has a family member's drinking or drug use ever had a bad effect on your child?</i>	☐	☐	

	Chưa bao giờ đúng (Never true)	Đôi khi đúng (Sometimes true)	Thường đúng (Often true)					
5 Trong vòng 12 tháng qua, chúng tôi lo lắng liệu mình sẽ hết thức ăn trước khi có tiền để mua thêm không. <i>Within the past 12 months, we worried whether our food would run out before we got money to buy more.</i>	☐	☐	☐					
Trong hai tuần qua, quý vị có thường xuyên bị làm phiền bởi bất kỳ vấn đề sau đây? <i>Over the past two weeks, how often have you been bothered by any of the following problems?</i>								
	Hoàn toàn không (Not at all)	Vài ngày (Several days)	Nhiều hơn nửa thời gian (More than half the days)	Gần như mỗi ngày (Nearly every day)				
6 Có ít hứng thú hoặc niềm vui khi làm việc? <i>Having little interest or pleasure in doing things?</i>	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3				
7 Cảm thấy suy sụp, trầm cảm hay vô vọng? <i>Feeling down, depressed or hopeless?</i>	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3				
8 Nói chung, quý vị mô tả mối quan hệ của mình như thế nào với vợ chồng/bạn đời của quý vị? <i>In general, how would you describe your relationship with your spouse/partner?</i>	Không căng thẳng (No tension)	Hơi căng thẳng (Some tension)	Rất căng thẳng (A lot of tension)	Không áp dụng (Not applicable)				
	☐	☐	☐	☐				
9 Quý vị và bạn đời của quý vị có làm rõ các lần cãi nhau không? <i>Do you and your partner work out arguments with:</i>	Không khó khăn (No difficulty)	Hơi khó khăn (Some difficulty)	Rất khó khăn (Great difficulty)	Không áp dụng (not applicable)				
	☐	☐	☐	☐				
10 Trong suốt tuần qua, có bao nhiêu ngày quý vị hoặc thành viên gia đình khác đọc truyện cho bé nghe? <i>During the past week, how many days did you or other family members read to your child?</i>	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7